TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 - 8 - 2018.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa anh D và chị O.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Trường**.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Phạm Đức Minh**
  - Bà **Lê Thị Sáu**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **28** tháng **8** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 79/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **Huỳnh Văn D**, sinh năm: 1984

Địa chỉ cư trú: Xóm 4, Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

**** Bị đơn*:** Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1992

Địa chỉ cư trú: Thôn An Hòa, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Huỳnh Văn D và bị đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D và chị O tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/2014. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh D và chị O đều cho rằng quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng bất hòa, cuộc sống không có hạnh phúc, gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 11/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D và chị O đều yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Anh D và chị O trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Cẩm N, sinh ngày 26/01/2015. Quá trình sống ly thân thì anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Vì vậy, khi ly hôn anh D yêu cầu được tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến đủ tuổi thành niên và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh D và chị O đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn anh D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp "*Ly hôn*" với anh Nguyễn Thị O. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị O vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị O là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh D và chị O tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/2014, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị O là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh D và chị O cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng bất hòa, cuộc sống không có hạnh phúc, gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 11/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và vợ chồng đã ly thân, đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Còn chị O mặc dù đã được triệu tập đến hòa giải nhưng chị O cố tình vắng mặt, càng chứng tỏ chị O không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ với anh D để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D; xử cho anh D được ly hôn với chị O.

- *Về con chung*: Anh D trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Cẩm N, sinh ngày 26/01/2015. Quá trình sống ly thân thì anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, khi ly hôn thì anh D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu N còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định với anh D. Anh D cho rằng mình có đầy đủ điều kiện về kinh tế thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Cẩm N cho anh D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh D không yêu cầu nên chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh D và chị O trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí:* Buộc anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn D đối với chị Nguyễn Thị O về tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho anh Huỳnh Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Cẩm N, sinh ngày 26/01/2015 cho anh Huỳnh Văn D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Chị Nguyễn Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Huỳnh Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005195 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh Huỳnh Văn D đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường